

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON**

**BÁO CÁO
ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ**

NGHỆ AN, NĂM 2024

MỤC LỤC

1. Nghiên cứu chương trình đào tạo giáo dục mầm non của một số trường đại học trên thế giới	2
1.1. Chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ của trường Singapore University of Social Sciences	2
1.2. Chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ của trường University of Pittsburgh School of Education, Hoa Kỳ	6
1.3. Nhận xét chung về chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ ở một số quốc gia	8
1.3.1. Mô hình đào tạo	8
1.3.2. Về đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ	9
1.3.3. Kết luận.....	10
2. Đối sánh chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ của các trường đại học trong nước	11
2.1. Một số nhận xét	13
2.1.1. Về mục tiêu đào tạo	13
2.1.2. Về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	13
2.1.4. Về nội dung đào tạo	14
2.2. Kết luận.....	14
Phụ lục.....	15

NGHIÊN CỨU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THUỘC CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

1. Nghiên cứu chương trình đào tạo giáo dục mầm non của một số trường đại học trên thế giới

Một số đặc điểm chương trình đào tạo thạc sĩ giáo dục mầm non của một số trường đại học hàng đầu trên thế giới:

Trường Đại học Havard (Mỹ): Chương trình tập trung vào việc phát triển kiến thức và kỹ năng cốt lõi của giáo dục mầm non; Sinh viên được học về lý thuyết phát triển trẻ em, thiết kế chương trình học, quản lý lớp học và tương tác với gia đình; Chương trình có thực tập tại các trung tâm mầm non tiêu chuẩn; Sinh viên có cơ hội nghiên cứu các chủ đề liên quan đến giáo dục mầm non.

Trường Đại học Oxford (Anh): Chương trình tập trung vào việc cung cấp hiểu biết sâu sắc về các lý thuyết và phương pháp giáo dục mầm non; Sinh viên được học về chăm sóc và giáo dục trẻ em, thiết kế môi trường học tập, quản lý nhân sự và lãnh đạo; Chương trình có các thực tập tại các cơ sở mầm non hàng đầu; Sinh viên có cơ hội tham gia vào các nghiên cứu về các vấn đề thực tiễn trong giáo dục mầm non.

Trường Đại học Sydney (Úc): Chương trình tập trung vào việc chuẩn bị sinh viên trở thành những nhà giáo dục mầm non chuyên nghiệp; Sinh viên được học về tâm lý học trẻ em, quản lý lớp học, thiết kế hoạt động và chương trình học; Chương trình có thực tập tại các trung tâm mầm non địa phương; Sinh viên có cơ hội tham gia vào các dự án nghiên cứu về các vấn đề trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

Nhìn chung, các chương trình thạc sĩ giáo dục mầm non này đều cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực này, với sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

1.1. Chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ của trường Singapore University of Social Sciences (www.suss.edu.sg)

a) Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu của chương trình là hỗ trợ các nhà phát triển chuyên môn, giảng viên và nhà phát triển chương trình giảng dạy hiện có cũng như nâng cao khả năng lãnh đạo chương trình giảng dạy và kiến thức sư phạm của các nhà giáo dục mầm non (bao gồm cả giáo viên và lãnh đạo). Chương trình cũng đã hỗ trợ các chuyên gia giáo dục có liên quan, những người cần thiết kế chương trình giảng dạy, đào tạo và cung cấp cơ hội học tập và phát triển liên tục cho các nhà giáo dục mầm non trong các tổ chức ECCE cũng như toàn bộ khu vực ECCE.

b. Tính ưu việt của chương trình

- Những phát hiện đương đại trong nghiên cứu về sự phát triển và chất lượng ECCE của trẻ em.

- Các lý thuyết/chiến lược học tập dành cho người lớn hoặc TESOL có thể áp dụng vào bối cảnh đào tạo và phát triển giáo viên ECCE.

- Ứng dụng thực tiễn dựa trên nghiên cứu vào việc thiết kế các hội thảo và khóa học dành cho giáo viên mầm non.

- Các khóa học được giảng dạy bởi các học giả và học viên với sự kết hợp giữa quan điểm địa phương và toàn cầu.

- Các khóa học được giảng dạy bởi các học giả và học viên với sự kết hợp giữa quan điểm địa phương và toàn cầu

- Các bài tập xoay quanh các vấn đề và bối cảnh thực tế.

- Hiện tại, không có trường đại học tự chủ nào khác cung cấp bằng Thạc sĩ về Giáo dục Mầm non với chuyên ngành Giảng viên Giáo viên hoặc TESOL.

c) Thời gian học: 02 năm

d) Cấu trúc chương trình gồm:

TT	Tên học phần	Số TC
Học phần chung (30 tín chỉ)		
1	Child Development and Early Childhood Curriculum: Shifts in Research and Practice - Chương trình giảng dạy về Phát triển Trẻ em và Mầm non: Những thay đổi trong nghiên cứu và thực hành	05
2	Valuing Diversity: Inclusive Early Childhood Care and Education – Đánh giá cao sự đa dạng: Chăm sóc và giáo dục mầm non hòa nhập	05
3	Leadership in Curriculum Development, Analysis and Instruction - Lãnh đạo trong việc phát triển, phân tích và giảng dạy chương trình giảng dạy	05
4	Mentoring and Coaching in Educational Settings - Cố vấn và Huấn luyện trong Môi trường Giáo dục	05
5	Investigating Curricular Content and Constructivist Pedagogies - Nghiên cứu nội dung chương trình giảng dạy và phương pháp sư phạm theo thuyết kiến tạo	05
6	Independent Curriculum Project - Dự án chương trình giảng dạy độc lập	05
Học phần chuyên ngành (30 TC)		
<i>Chuyên ngành đào tạo giáo viên</i>		
1	Adult Learning, Learners and Their Contexts - Học tập dành cho người	05

	lớn, Người học và Bối cảnh của họ	
2	Innovative Design, Facilitation and Assessment of Learning - Thiết kế sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi và đánh giá việc học	05
3	Integrating Technology and Workplace Learning - Tích hợp Công nghệ và Học tập tại Nơi làm việc	05
4	Understanding and Analysing Learning Needs - Hiểu và Phân tích Nhu cầu Học tập	05
5	Future-oriented Learning Design - Thiết kế học tập hướng tới tương lai	05
6	Quality and Evaluation in Different Contexts - Chất lượng và đánh giá trong các bối cảnh khác nhau	05
<i>Chuyên ngành Dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (TESOL)</i>		
<i>Học phần chính (chọn 15 đến 30TC)</i>		
1	Fundamental Aspects of Language Structure - Các khía cạnh cơ bản của cấu trúc ngôn ngữ	05
2	Fundamental Aspects of Language Meaning - Các khía cạnh cơ bản của ý nghĩa ngôn ngữ	05
3	Sociolinguistics and Education - Ngôn ngữ xã hội và giáo dục	05
4	Second Language Acquisition and Pedagogy - Tiếp thu và sư phạm ngôn ngữ thứ hai	05
5	TESOL Methods - Phương pháp TESOL	05
6	TESOL Curriculum – Chương trình TESOL	05
<i>Học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 0 đến 15 TC)</i>		
1	Global English and Language Teaching - Giảng dạy tiếng Anh và Ngôn ngữ Toàn cầu	05
2	Classroom Discourse - Bài giảng trong lớp	05
3	Literacy, Language and Education - Đọc viết, Ngôn ngữ và Giáo dục	05
4	Pragmatics and TESOL - Ngữ dụng học và TESOL	05
5	Pedagogical Grammar - Ngữ pháp sư phạm	05
6	Materials Development - Phát triển vật liệu	05
7	Language Testing and Evaluation - Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ	05
8	English for Specific Purposes - Tiếng Anh Chuyên Dụng	05

9	English Pronunciation and TESOL - Phát âm tiếng Anh và TESOL	05
10	Academic Discourse: English in a Global Context - Diễn văn học thuật Tiếng Anh trong bối cảnh toàn cầu	05
11	Research Methods in Applied Linguistics - Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng	05

1.2. Chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ của trường University of Pittsburgh School of Education, Hoa Kỳ.
(<https://www.educations.com/institutions/university-of-pittsburgh-school-of-education/master-of-education-in-early-childhood-education>)

a) Mục tiêu

Chương trình Giáo dục mầm non được thiết kế để cung cấp cho học viên nền tảng học thuật và thực tiễn vững chắc để hỗ trợ việc giáo dục trẻ nhỏ (từ sơ sinh đến 8 tuổi) ở nhiều môi trường khác nhau bao gồm trường học, cơ quan cộng đồng, gia đình và các môi trường khác. Thông qua các khóa học nghiêm ngặt, thực tập thực tế và học tập thực hành, học viên phát triển năng lực trong việc sử dụng các phương pháp thực hành phù hợp với sự phát triển và đáp ứng về mặt văn hóa để giáo dục trẻ sơ sinh, trẻ mới biết đi, trẻ mẫu giáo và trẻ ở độ tuổi tiểu học.

b) Thời gian đào tạo: 02 năm

c) Khung chương trình

TT	Tên học phần	Số TC
Introduction to Early Childhood Education -Nhập môn giáo dục mầm non (3TC)		
1	Intro to early childhood education – Nhập môn giáo dục mầm non	03
Special Education – Giáo dục đặc biệt (3TC)		
Chọn 1 trong các học phần 3 tín chỉ		
1	Foundations Of Special Education – Cơ sở giáo dục đặc biệt	03
2	Student W/Disab In Elementary Classroom – Học sinh khuyết tật trong lớp học tiểu học	03
3	Literacy Assessment & Instruction For Children With Disabilities In Inclusive Settings In Elementary Classroom – Đánh giá và hướng dẫn đọc viết cho trẻ khuyết tật trong môi trường hòa nhập ở lớp tiểu học	03
4	Autism: Characteristics And Interventions – Tự kỷ: Đặc điểm và các biện pháp can thiệp	03

Community Resources – nguồn lực cộng đồng (3TC)		
Chọn 1 học phần 3 tín chỉ		
1	Community Resources Seminar: Young Children And Families – Hội thảo về Nguồn lực Cộng đồng: Trẻ nhỏ và Gia đình	03
2	Collaborative partnerships with families and the communities – Hợp tác với gia đình và cộng đồng	03
Methods Courses – Phương pháp khóa học(9TC)		
Chọn 3 trong số các học phần 3 tín chỉ trong toàn bộ chương trình (tổng cộng 9 tín chỉ)		
1	Language And Literature For The Young Child – Ngôn ngữ và văn học cho trẻ nhỏ	03
2	Integrated Art & Music In Elementary School – Nghệ thuật & Âm nhạc tích hợp ở trường tiểu học	03
3	Math/Science Instruction For Young Learners 1 (Pre-K - Grade 4) – Hướng dẫn Toán/Khoa học cho học sinh nhỏ tuổi 1 (Mầm non - Lớp 4)	03
4	Math And Science Methods 2 (Pre-K - Grade 4) – Phương pháp Toán và Khoa học 2 (Mầm non - Lớp 4)	03
5	Teaching Infants, Toddlers, And Preschoolers – Dạy trẻ sơ sinh, trẻ mới biết đi và trẻ mẫu giáo	03
6	. Reading/Writing Methods 1: Pre-K - Grade 1 - Phương pháp đọc/viết 1: Mầm non - Lớp 1	03
7	Reading Writing Methods 2: Grade 2-4 – Phương pháp đọc viết 2: Lớp 2-4	03
8	Social Studies Methods Pre-K – 4 – Phương pháp nghiên cứu xã hội Pre-K - 4	03
9	Integrated Curriculum Pre-K-4 – Chương trình giảng dạy tích hợp Pre-K-4	03
10	Sem: Inclusion Early Childhood – Sem: Hòa nhập Mầm non	03
11	Other Elective Approved by Advisor – Môn tự chọn khác được cố vấn phê duyệt	03
Introduction to Research Methods – Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu (3TC)		
Chọn 1 trong các học phần 3 tín chỉ:		
1	Introduction to action research methods – Giới thiệu phương pháp nghiên cứu hành hành	03
2	Introduction to research methodology – Giới thiệu phương pháp nghiên cứu	03

	cứu	
Research Seminar – Hội thảo nghiên cứu(3TC)		
1	Research Seminar For M.Ed. Students - Hội thảo nghiên cứu dành cho M.Ed. Sinh viên	03
Education & Human Development/ Psychological Perspectives on Education – Giáo dục và Phát triển con người/ Quan điểm tâm lý về giáo dục (3TC)		
Chọn 1 trong các học phần 3 tín chỉ		
1	Psychology of learning and development for education – Tâm lý học và phát triển giáo dục	03
2	Human learning – Học tập con người	03
Approved Elective – Tự chọn đã được phê duyệt(3TC)		
1	Choose one 3-credit practicum or approved elective related to Early Childhood Education or Family Studies – Chọn một bài thực hành 3 tín chỉ hoặc môn tự chọn đã được phê duyệt liên quan đến Giáo dục mầm non hoặc nghiên cứu gia đình	03

1.3. Nhận xét chung về chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ ở một số quốc gia

1.3.1. Mô hình đào tạo

Về mô hình đào tạo giáo dục mầm non trên thế giới hiện nay, có thể tổng kết một số đặc điểm chính như sau:

- Về cấu trúc chương trình:

Chương trình thường bao gồm các khóa học về tâm lý học trẻ em, thiết kế và quản lý chương trình học, phương pháp giảng dạy, quản lý lớp học, hợp tác với gia đình và cộng đồng.

Nhiều chương trình tích hợp cả thành phần lý thuyết và thực hành tại các cơ sở giáo dục mầm non.

- Về mục tiêu đào tạo:

Mục tiêu chung là đào tạo ra những giáo viên mầm non có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng sư phạm tốt và khả năng lãnh đạo, quản lý trong lĩnh vực này.

Một số chương trình còn hướng đến mục tiêu chuẩn bị các nhà nghiên cứu, chuyên gia tư vấn và quản lý trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

- Về phương pháp đào tạo:

Sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như học tập dựa trên vấn đề, học tập dựa trên dự án, học tập hợp tác.

Khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động thực hành, nghiên cứu và chia sẻ kinh nghiệm.

- Về tính liên kết với thực tiễn:

Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên thực tập, làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Chương trình được thiết kế linh hoạt để đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành.

- Về tính hợp tác quốc tế:

Nhiều chương trình có sự hợp tác với các tổ chức, chuyên gia giáo dục mầm non quốc tế.

Tạo cơ hội cho sinh viên tham gia các hoạt động trao đổi, học tập quốc tế.

Nhìn chung, mô hình đào tạo giáo dục mầm non trên thế giới hiện nay đều hướng đến việc cung cấp cho sinh viên một nền tảng lý thuyết vững chắc kết hợp với các kỹ năng thực hành thiết thực, chuẩn bị cho họ trở thành những giáo viên mầm non chuyên nghiệp và có khả năng lãnh đạo trong lĩnh vực này.

1.3.2. Về đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ

Xu hướng thế giới có một số nét đặc trưng sau:

- Tập trung vào kiến thức và kỹ năng cốt lõi của giáo dục mầm non: Các chương trình đều chú trọng vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc về lý thuyết phát triển trẻ em, thiết kế chương trình học, quản lý lớp học và tương tác với gia đình.

- Kết hợp lý thuyết và thực hành: Ngoài việc học lý thuyết, sinh viên còn được có cơ hội thực tập tại các cơ sở giáo dục mầm non uy tín, giúp họ áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Trọng tâm vào nghiên cứu: Các chương trình đều tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu về các vấn đề trong lĩnh vực giáo dục mầm non, giúp họ phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề.

- Chú trọng vào phát triển chuyên môn: Mục tiêu chung của các chương trình là chuẩn bị cho sinh viên trở thành những nhà giáo dục mầm non chuyên nghiệp, có khả năng lãnh đạo và quản lý trong lĩnh vực này.

- Tính linh hoạt và ứng dụng: Các chương trình được thiết kế linh hoạt để đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên và đáp ứng được các xu hướng và yêu cầu mới trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

Nhìn chung, mô hình đào tạo thạc sĩ giáo dục mầm non ở các trường đại học hàng đầu thể hiện sự cân bằng giữa lý thuyết và thực hành, chú trọng vào phát triển năng lực chuyên môn và nghiên cứu, đáp ứng tốt nhu cầu của ngành giáo dục mầm non.

1.3.3. Kết luận

Về đào tạo giáo dục mầm non trên thế giới hiện nay, có một số nét chung như sau:

- Chú trọng đào tạo kỹ năng thực hành:

Các chương trình đào tạo ngày càng tăng cường thành phần thực hành, thực tập tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Mục tiêu là cung cấp cho sinh viên nhiều kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng sư phạm thiết thực.

- Tích hợp công nghệ thông tin:

Việc sử dụng công nghệ trong quá trình đào tạo và giảng dạy được chú trọng hơn.

Các ứng dụng, phần mềm được đưa vào để hỗ trợ giảng dạy, quản lý lớp học, thiết kế chương trình.

- Liên kết quốc tế:

Nhiều chương trình đào tạo tạo cơ hội trao đổi, hợp tác với các tổ chức, chuyên gia giáo dục mầm non trên thế giới.

Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu quốc tế.

- Đào tạo lãnh đạo và quản lý:

Ngoài đào tạo giáo viên, nhiều chương trình còn chú trọng đến việc chuẩn bị các nhà quản lý, lãnh đạo giáo dục mầm non.

Trang bị các kỹ năng quản lý, lãnh đạo và tạo ra những nhà lãnh đạo tương lai trong lĩnh vực này.

- Tính linh hoạt và cập nhật:

Các chương trình đào tạo ngày càng trở nên linh hoạt, liên tục được cập nhật để theo kịp những thay đổi và nhu cầu thực tế.

Chú trọng đến việc giúp sinh viên thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và không ngừng thay đổi.

Tóm lại, các xu hướng này phản ánh sự chuyển dịch trong đào tạo giáo dục mầm non, hướng tới việc cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực tiễn, kiến thức hiện đại và khả năng thích ứng cao với môi trường làm việc trong tương lai.

2. Đối sánh chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ của các trường đại học trong nước

Để có cơ sở làm căn cứ cho việc rà soát, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ, Khoa Giáo dục đã tiến hành đối sánh chương trình đào tạo của 03 trường uy tín có đào tạo chương trình giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ để phân tích mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

- Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
- Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh
- Trường Đại học Thái Nguyên.

Kết quả đối sánh được thể hiện ở bảng 2.1, cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Đối sánh chương trình đào tạo Giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ

Tiêu chí	Trường Đại học Vinh		Trường ĐHSP Hà Nội		Trường ĐHSP TP. HCM		Trường ĐH Thái Nguyên
	<i>Nghiên cứu</i>	<i>Ứng dụng</i>	<i>Nghiên cứu</i>	<i>Ứng dụng</i>	<i>Nghiên cứu</i>	<i>Ứng dụng</i>	<i>Nghiên cứu</i>
Thời gian đào tạo (năm)	02	02	02	02	02	02	02
Khối lượng kiến thức chung (TC)	07	07	10	10	5	5	9
Khối lượng kiến thức cơ sở ngành (TC)	24	24	30	30	42	48	22
Khối lượng kiến thức chuyên ngành (TC)	15	15	9	12			16
Luận văn tốt nghiệp/Đề án tốt nghiệp (TC)	15	15	12	9	15	9	13
Tổng số tín chỉ tích lũy (TC)	61	61	61	61	62	62	60
Tỷ lệ HP bắt buộc (%)	70,49 (43TC)	70,49 (43TC)	85,25 (52TC)	80,33 (49TC)	85,48 (53TC)	75,81 (47TC)	86,70 (52TC)
Tỷ lệ HP tự chọn (%)	29,51 (18TC)	29,51 (18TC)	14,75 (9TC)	19,67 (12TC)	14,52 (9TC)	24,19 (15TC)	13,30 (8TC)
Số lượng học phần	16	16	15	15	16	16	17

TC: Tín chỉ

2.1. Một số nhận xét

Chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh và các trường được xây dựng dựa trên Quy định định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016.

2.1.1. Về mục tiêu đào tạo

Các chương trình đào tạo đều xây dựng mục tiêu chung là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ về giáo dục mầm non, giúp người học bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên sâu về giáo dục để người học vận dụng các kiến thức chuyên sâu vào hoạt động nghề nghiệp, có khả năng làm việc, khả năng sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành. Đồng thời có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu để học lên tiến sĩ.

2.1.2. Về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được các trường xây dựng dựa trên 03 nhóm về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm. Khi học xong chương trình đào tạo, người học phải có kiến thức thực tế và lý thuyết về giáo dục sâu rộng để áp dụng vào thực tiễn nghề nghiệp. Người học sẽ có những kỹ năng về phân tích, tổng hợp, truyền đạt, tổ chức, quản trị, kỹ năng nghiên cứu và có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Bên cạnh đó, người học phải biết nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng; phải thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

2.1.3. Về cấu trúc các khối kiến thức

Các chương trình đào tạo được xây dựng với khối lượng kiến thức toàn khóa từ 60 đến 62 tín chỉ cho cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng. Cấu trúc và khối lượng tín chỉ cho từng khối kiến thức cho khác nhau giữa các trường nhưng cũng đảm bảo điều kiện tối thiểu theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khung trình độ thạc sĩ.

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung	5-7
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	24-30
3	Khối kiến thức chuyên ngành	15-24
4	Thực tập	6-9
5	Luận văn/Đồ án tốt nghiệp	12-15

2.1.4. Về nội dung đào tạo

- Chương trình đào tạo của các trường đều đảm bảo hài hòa về kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.

- Đã cập nhật sự phát triển của lĩnh vực giáo dục mầm non trên thế giới nhằm đáp ứng sự phát triển của công nghệ.

- Chú trọng đến sự phát triển năng lực của người học, khả năng nghiên cứu, khả năng thực hành giúp người học có thể giải quyết những vấn đề trong thực tiễn nghề nghiệp.

- CTĐT được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm của người học đạt được khi hoàn thành khóa học.

- Chương trình đào tạo được thiết kế liên thông giúp người học có thể học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

2.2. Kết luận

- Về mục tiêu : CTĐT của các trường đều tập trung hướng đến đào tạo người học có đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp để làm việc trong các tổ chức giáo dục

- Về chuẩn đầu ra: CTĐT của các trường dựa xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Về cấu trúc và khối kiến thức: CTĐT của các trường có cấu trúc phù hợp đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, số lượng tín chỉ, số học phần, tỷ lệ học phần tự chọn và học phần bắt buộc cân đối và có sự liên kết.

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI

1. Chương trình đào tạo Giáo dục mầm non của Singapore University of Social Sciences

a) Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu của chương trình là hỗ trợ các nhà phát triển chuyên môn, giảng viên và nhà phát triển chương trình giảng dạy hiện có cũng như nâng cao khả năng lãnh đạo chương trình giảng dạy và kiến thức sư phạm của các nhà giáo dục mầm non (bao gồm cả giáo viên và lãnh đạo). Chương trình cũng đã hỗ trợ các chuyên gia giáo dục có liên quan, những người cần thiết kế chương trình giảng dạy, đào tạo và cung cấp cơ hội học tập và phát triển liên tục cho các nhà giáo dục mầm non trong các tổ chức ECCE cũng như toàn bộ khu vực ECCE.

b) Tính ưu việt của chương trình

- Những phát hiện đương đại trong nghiên cứu về sự phát triển và chất lượng ECCE của trẻ em.

- Các lý thuyết/chiến lược học tập dành cho người lớn hoặc TESOL có thể áp dụng vào bối cảnh đào tạo và phát triển giáo viên ECCE.

- Ứng dụng thực tiễn dựa trên nghiên cứu vào việc thiết kế các hội thảo và khóa học dành cho giáo viên mầm non.

- Các khóa học được giảng dạy bởi các học giả và học viên với sự kết hợp giữa quan điểm địa phương và toàn cầu.

- Các khóa học được giảng dạy bởi các học giả và học viên với sự kết hợp giữa quan điểm địa phương và toàn cầu

- Các bài tập xoay quanh các vấn đề và bối cảnh thực tế.

- Hiện tại, không có trường đại học tự chủ nào khác cung cấp bằng Thạc sĩ về Giáo dục Mầm non với chuyên ngành Giảng viên Giáo viên hoặc TESOL.

c) Đối tượng tuyển sinh đầu vào

- Bằng Cử nhân Giáo dục hoặc các lĩnh vực liên quan bao gồm Mầm non, Nghiên cứu Tiếng Anh, Ngôn ngữ học và/hoặc hồ sơ chuyên môn vững vàng

- Sẽ có các yêu cầu về ngôn ngữ đối với những ứng viên có bằng Cử nhân không thuộc ngành Nghiên cứu Tiếng Anh, Ngôn ngữ học, Giáo dục hoặc lĩnh vực liên quan, đó là:

- Điểm xuất sắc trong Kỳ thi đánh giá trình độ tiếng Anh do Đại học Khoa học Xã hội Singapore thực hiện (hoặc)

- IELTS (Học thuật) > 6.5, không có điểm phụ nào dưới 6 (hoặc)
- TOEFL PBT > 580, với (tốt nhất là) TWE là 5 (hoặc)
- TOEFL iBT > 85, với điểm viết tối thiểu là 22
- Điểm học thuật PTE là 58, hoặc
- C1 Điểm nâng cao 180
- Điểm IELTS/TOEFL phải đạt được trong vòng 2 năm gần đây nhất tại thời điểm nộp đơn

Chương trình này hiện không thể tiếp nhận sinh viên quốc tế, tức là bạn phải là công dân Singapore, thường trú nhân hoặc cư dân tại Singapore (ví dụ: người có Thẻ lao động) để đăng ký nhập học.

d) Thời gian đào tạo : 02 năm, thời gian học tối đa là 04 năm.

e) Triển vọng nghề nghiệp

Với sự kết hợp của hai bộ kiến thức và thực hành có liên quan trong học tập cho người lớn và giáo dục mầm non, học viên tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Giáo dục Mầm non sẽ sẵn sàng đảm nhận những vai trò quan trọng trong việc thiết kế các cơ hội đào tạo mầm non và phát triển chuyên môn cho giáo viên trong ngành cũng như các chuyên gia khác trong lĩnh vực liên quan.

f) Cấu trúc chương trình

Để tốt nghiệp Thạc sĩ Giáo dục Mầm non, sinh viên phải hoàn thành tổng cộng 60 đơn vị tín chỉ (cu) và đạt điểm trung bình tích lũy tối thiểu (CGPA) là 3.0. Chương trình Thạc sĩ Giáo dục Mầm non (MECED-SPE) sửa đổi có hai chuyên ngành

- Đào tạo giáo viên
- Dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (TESOL)

TT	Tên học phần	Số TC
Học phần chung (30 tín chỉ)		
1	Child Development and Early Childhood Curriculum: Shifts in Research and Practice - Chương trình giảng dạy về Phát triển Trẻ em và Mầm non: Những thay đổi trong nghiên cứu và thực hành	05
2	Valuing Diversity: Inclusive Early Childhood Care and Education – Đánh giá cao sự đa dạng: Chăm sóc và giáo dục mầm non hòa nhập	05
3	Leadership in Curriculum Development, Analysis and Instruction - Lãnh đạo trong việc phát triển, phân tích và giảng dạy chương trình giảng dạy	05
4	Mentoring and Coaching in Educational Settings - Cố vấn và Huấn luyện	05

	trong Môi trường Giáo dục	
5	Investigating Curricular Content and Constructivist Pedagogies - Nghiên cứu nội dung chương trình giảng dạy và phương pháp sư phạm theo thuyết kiến tạo	05
6	Independent Curriculum Project - Dự án chương trình giảng dạy độc lập	05
Học phần chuyên ngành (30 TC)		
<i>Chuyên ngành đào tạo giáo viên</i>		
1	Adult Learning, Learners and Their Contexts - Học tập dành cho người lớn, Người học và Bối cảnh của họ	05
2	Innovative Design, Facilitation and Assessment of Learning - Thiết kế sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi và đánh giá việc học	05
3	Integrating Technology and Workplace Learning - Tích hợp Công nghệ và Học tập tại Nơi làm việc	05
4	Understanding and Analysing Learning Needs - Hiểu và Phân tích Nhu cầu Học tập	05
5	Future-oriented Learning Design - Thiết kế học tập hướng tới tương lai	05
6	Quality and Evaluation in Different Contexts - Chất lượng và đánh giá trong các bối cảnh khác nhau	05
<i>Chuyên ngành Dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (TESOL)</i>		
<i>Học phần chính (chọn 15 đến 30TC)</i>		
1	Fundamental Aspects of Language Structure - Các khía cạnh cơ bản của cấu trúc ngôn ngữ	05
2	Fundamental Aspects of Language Meaning - Các khía cạnh cơ bản của ý nghĩa ngôn ngữ	05
3	Sociolinguistics and Education - Ngôn ngữ xã hội và giáo dục	05
4	Second Language Acquisition and Pedagogy - Tiếp thu và sư phạm ngôn ngữ thứ hai	05
5	TESOL Methods - Phương pháp TESOL	05
6	TESOL Curriculum – Chương trình TESOL	05
<i>Học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 0 đến 15 TC)</i>		
1	Global English and Language Teaching - Giảng dạy tiếng Anh và Ngôn ngữ Toàn cầu	05
2	Classroom Discourse - Bài giảng trong lớp	05

3	Literacy, Language and Education - Đọc viết, Ngôn ngữ và Giáo dục	05
4	Pragmatics and TESOL - Ngữ dụng học và TESOL	05
5	Pedagogical Grammar - Ngữ pháp sư phạm	05
6	Materials Development - Phát triển vật liệu	05
7	Language Testing and Evaluation - Kiểm tra và đánh giá ngôn ngữ	05
8	English for Specific Purposes - Tiếng Anh Chuyên Dụng	05
9	English Pronunciation and TESOL - Phát âm tiếng Anh và TESOL	05
10	Academic Discourse: English in a Global Context - Diễn văn học thuật Tiếng Anh trong bối cảnh toàn cầu	05
11	Research Methods in Applied Linguistics - Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng	05

2. Chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ của trường University of Pittsburgh School of Education, Hoa Kỳ

a) Mục tiêu

Chương trình Giáo dục mầm non được thiết kế để cung cấp cho học viên nền tảng học thuật và thực tiễn vững chắc để hỗ trợ việc giáo dục trẻ nhỏ (từ sơ sinh đến 8 tuổi) ở nhiều môi trường khác nhau bao gồm trường học, cơ quan cộng đồng, gia đình và các môi trường khác. Thông qua các khóa học nghiêm ngặt, thực tập thực tế và học tập thực hành, học viên phát triển năng lực trong việc sử dụng các phương pháp thực hành phù hợp với sự phát triển và đáp ứng về mặt văn hóa để giáo dục trẻ sơ sinh, trẻ mới biết đi, trẻ mẫu giáo và trẻ ở độ tuổi tiểu học.

b) Thời gian đào tạo: 02 năm (toàn thời gian)

c) Cơ hội nghề nghiệp

Trở thành giáo viên mầm non, người chăm sóc, giáo viên trường tư, làm việc với trẻ em ở nhiều cơ quan cộng đồng khác nhau, Giảng viên phát triển chuyên môn và phát triển chính sách giáo dục, cùng các nghề nghiệp liên quan khác.

d) Cấu trúc chương trình

TT	Tên học phần	Số TC
Introduction to Early Childhood Education -Nhập môn giáo dục mầm non (3TC)		
1	Intro to early childhood education – Nhập môn giáo dục mầm non	03
Special Education – Giáo dục đặc biệt (3TC)		

Chọn 1 trong các học phần 3 tín chỉ		
1	Foundations Of Special Education – Cơ sở giáo dục đặc biệt	03
2	Student W/Disab In Elementary Classroom – Học sinh khuyết tật trong lớp học tiểu học	03
3	Literacy Assessment & Instruction For Children With Disabilities In Inclusive Settings In Elementary Classroom – Đánh giá và hướng dẫn đọc viết cho trẻ khuyết tật trong môi trường hòa nhập ở lớp tiểu học	03
4	Autism: Characteristics And Interventions – Tự kỷ: Đặc điểm và các biện pháp can thiệp	03
Community Resources – nguồn lực cộng đồng (3TC)		
Chọn 1 học phần 3 tín chỉ		
1	Community Resources Seminar: Young Children And Families – Hội thảo về Nguồn lực Cộng đồng: Trẻ nhỏ và Gia đình	03
2	Collaborative partnerships with families and the communities – Hợp tác với gia đình và cộng đồng	03
Methods Courses – Phương pháp khóa học(9TC)		
Chọn 3 trong số các học phần 3 tín chỉ trong toàn bộ chương trình (tổng cộng 9 tín chỉ)		
1	Language And Literature For The Young Child – Ngôn ngữ và văn học cho trẻ nhỏ	03
2	Integrated Art & Music In Elementary School – Nghệ thuật & Âm nhạc tích hợp ở trường tiểu học	03
3	Math/Science Instruction For Young Learners 1 (Pre-K - Grade 4) – Hướng dẫn Toán/Khoa học cho học sinh nhỏ tuổi 1 (Mầm non - Lớp 4)	03
4	Math And Science Methods 2 (Pre-K - Grade 4) – Phương pháp Toán và Khoa học 2 (Mầm non - Lớp 4)	03
5	Teaching Infants, Toddlers, And Preschoolers – Dạy trẻ sơ sinh, trẻ mới biết đi và trẻ mẫu giáo	03
6	. Reading/Writing Methods 1: Pre-K - Grade 1 - Phương pháp đọc/viết 1: Mầm non - Lớp 1	03
7	Reading Writing Methods 2: Grade 2-4 – Phương pháp đọc viết 2: Lớp 2-4	03
8	Social Studies Methods Pre-K – 4 – Phương pháp nghiên cứu xã hội Pre-K - 4	03
9	Integrated Curriculum Pre-K-4 – Chương trình giảng dạy tích hợp Pre-K-4	03

10	Sem: Inclusion Early Childhood – Sem: Hòa nhập Mầm non	03
11	Other Elective Approved by Advisor – Môn tự chọn khác được cố vấn phê duyệt	03
Introduction to Research Methods – Giới thiệu về phương pháp nghiên cứu (3TC)		
Chọn 1 trong các học phần 3 tín chỉ:		
1	Introduction to action research methods – Giới thiệu phương pháp nghiên cứu hành hành	03
2	Introduction to research methodology – Giới thiệu phương pháp nghiên cứu	03
Research Seminar – Hội thảo nghiên cứu(3TC)		
1	Research Seminar For M.Ed. Students - Hội thảo nghiên cứu dành cho M.Ed. Sinh viên	03
Education & Human Development/ Psychological Perspectives on Education – Giáo dục và Phát triển con người/ Quan điểm tâm lý về giáo dục (3TC)		
Chọn 1 trong các học phần 3 tín chỉ		
1	Psychology of learning and development for education – Tâm lý học và phát triển giáo dục	03
2	Human learning – Học tập con người	03
Approved Elective – Tự chọn đã được phê duyệt(3TC)		
1	Choose one 3-credit practicum or approved elective related to Early Childhood Education or Family Studies – Chọn một bài thực hành 3 tín chỉ hoặc môn tự chọn đã được phê duyệt liên quan đến Giáo dục mầm non hoặc nghiên cứu gia đình	03

PHỤ LỤC 2
MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ
THẠC SĨ Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC

1. Chương trình đào tạo giáo dục mầm non trình độ thạc sĩ Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh

- Định hướng ứng dụng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)
Mã ngành:	8140101
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Ứng dụng
Khoa đào tạo:	Giáo dục Mầm non

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục mầm non theo định hướng ứng dụng có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong chuyên nghiệp; có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực về nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành; có năng lực ứng dụng lí luận Giáo dục mầm non vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, giáo dục và đào tạo; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu để đạt học vị cao hơn.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phẩm chất

- Tự ý thức và tích cực rèn luyện những phẩm chất đạo đức, trao dồi năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động nghề nghiệp và sự phát triển của giáo dục và đào tạo lĩnh vực ngành giáo dục mầm non;

- Yêu nghề, yêu trẻ, có ý thức, trách nhiệm cao và tác phong chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tích cực, chủ động tiếp cận và cập nhập ứng dụng những thành tựu mới về giáo dục để nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn giáo dục và quản lí trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

b) Về năng lực

- Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo trong lĩnh vực giáo dục mầm non;

- Tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục mầm non;

- Ứng dụng được kiến thức, kĩ năng trong giáo dục mầm non vào giải quyết các vấn đề về xây dựng và phát triển chương trình, tổ chức thực hiện, quản lí các hoạt động giáo dục trẻ phù hợp với thực tiễn giáo dục mầm non và tham gia vào quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non;

- Thực hiện được các nghiên cứu ứng dụng chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục học mầm non.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI 1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI 1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI 1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI 1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI 1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI 1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI 2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI 2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI 2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để

Mã CDR	Mô tả
	phản biện vấn đề
PI 2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI 2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI 2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn
PI 3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI 3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI 3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI 3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI 3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI 3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI 3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lí để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI 3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lí hoạt động chuyên môn
PI 3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lí hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực Giáo dục mầm non hiệu quả	
PI 4.1	<i>Xây dựng, phát triển, cải tiến và ứng dụng được chương trình giáo dục mầm non.</i>
PI 4.1.1	Phân tích, ứng dụng được cơ sở lí luận về xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mầm non
PI 4.1.2	Xây dựng và phát triển được chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn tại địa phương
PI 4.1.3	Ứng dụng và cải tiến được chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn tại địa phương

Mã CDR	Mô tả
<i>PI 4.2</i>	<i>Tổ chức hoạt động cho trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non</i>
PI 4.2.1	Đánh giá và xây dựng được kế hoạch giáo dục ở các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn tại địa phương
PI 4.2.2	Xây dựng và tổ chức thực hiện được các hoạt động giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ tại trường MN
PI 4.2.3	Ứng dụng được các phương pháp, mô hình giáo dục mới vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non
<i>PI 4.3</i>	<i>Kiểm tra, đánh giá được thực tiễn hoạt động tại cơ sở giáo dục mầm non</i>
PI 4.3.1	Đánh giá được chất lượng các hoạt động giáo dục trẻ và chất lượng giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non
PI 4.3.2	Đề xuất và ứng dụng được các biện pháp xây dựng, cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục trẻ và chất lượng giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non
PLO 5. Thực hiện nghiên cứu thực tiễn trong lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả.	
<i>PI 5.1</i>	<i>Xác định đề án/dự án chuyên ngành giáo dục mầm non</i>
PI5.1.1	Xác định được các vấn đề thực tiễn để xây dựng đề án/dự án nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non
PI5.1.2	Xây dựng được đề cương thực hiện đề án/ dự án nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non
<i>PI5.2</i>	<i>Thực hiện được đề án/ dự án chuyên ngành giáo dục mầm non</i>
PI5.2.1	Tổ chức được hoạt động nghiên cứu đề án/dự án nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non
PI5.2.2	Báo cáo được kết quả thực hiện đề án/dự án nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non theo quy chuẩn khoa học
PI5.2.3	Công bố được kết quả nghiên cứu nghiên cứu ứng dụng chuyên ngành giáo dục mầm non trên tạp chí khoa học

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) có thể làm việc ở những vị trí sau:

- Thực hiện công tác chuyên môn và công tác quản lí tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở dịch vụ về giáo dục mầm non.

- Tham gia hỗ trợ giảng viên dạy các học phần thực hành, hướng dẫn thực hành, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non ở các trường Cao đẳng, Đại học tại các cơ sở giáo dục mầm non.

- Chuyên viên tại các sở, phòng giáo dục và đào tạo tại các đại phương.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học nghiên cứu sinh ngành Giáo dục học tại các trường đại học trong và ngoài nước.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 61 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0

F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

Tham khảo 08 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng tại 08 trường đại học trong và ngoài nước:

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục mầm non – Trường Đại học Nữ Seoul, Hàn Quốc

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục mầm non – Trường Đại học Nữ Ewha, Hàn Quốc

Master in Early Childhood Studies Curriculum - University of Roehampton London

Master of Education in Early Childhood Education - University of Pittsburgh School of Education

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ *Về văn bằng*

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành

chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ **Về năng lực ngoại ngữ:** Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở

lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Các lí thuyết về sự phát triển của trẻ em

- Môn cơ sở: Giáo dục học mầm non .

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo

quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	5	8,06%	5	8,06%	0	0%
Kiến thức chuyên ngành	39	62,9%	24	38,71%	15	24,19%
Thực tập	9	14,52%	9	14,52%	0	0%
Đề án tốt nghiệp	9	14,52%	9	14,52%	0	0%
Tổng	62	100%	47		15	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08GDMN1001	Triết học	4			50	50
2	08GDMN1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1			50	50
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		39				

	Học phần bắt buộc		24				
3	08GDMN2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3			50	50
4	08GDMN2004	Các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lí của trẻ mầm non	3			50	50
5	08GDMN2005	Phát triển chương trình Giáo dục mầm non (nâng cao)	3			50	50
6	08GDMN2006	Các vấn đề đương đại của Giáo dục mầm non: Chính sách và thực tiễn	3			50	50
7	08GDMN2007	Lý luận dạy học hiện đại trong Giáo dục mầm non	3			50	50
8	08GDMN2008	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	3			50	50
9	08GDMN2019	Lãnh đạo và quản lý chất lượng trong cơ sở Giáo dục mầm non	3			50	50
10	08GDMN2020	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non	3			50	50
	Học phần tự chọn		15				
11	08GDMN2010	Các mô hình Giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới và ứng dụng vào Việt Nam	3			50	50
12	08GDMN2011	Giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non	3			50	50
13	08GDMN2009	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3			50	50
14	08GDMN2012	Phát triển năng lực vận động cho trẻ mầm non	3			50	50
15	08GDMN2013	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3			50	50
16	08GDMN2014	Phát triển khả năng sáng tạo	3			50	50

		cho trẻ mầm non					
17	08GDMN2015	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non	3			50	50
18	08GDMN2016	Giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non	3			50	50
19	08GDMN2017	Giáo dục văn hóa truyền thống cho trẻ mầm non	3			50	50
20	08GDMN2018	Quyền và phúc lợi xã hội cho trẻ em	3			50	50
21	08GDMN2021	Xã hội hóa trong Giáo dục mầm non	3			50	50
22	08GDMN2022	Kỷ luật tích cực trong Giáo dục mầm non	3			50	50
23	08GDMN2023	Ứng dụng STEAM trong Giáo dục mầm non	3			50	50
24	08GDMN2024	Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	3			50	50
III	THỰC TẬP		9				
25	08GDMN4025	Thực tập	9	0	135	0	100
IV	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9				
26	08GDMN5026	Đề án	9	0	135	0	100
	Tổng số tín chỉ		61				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 17 TC, bao gồm 17 tín chỉ bắt buộc)		
08GDMN1001	Triết học	4
08GDMN1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1
08GDMN2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3
08GDMN2004	Các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lí của trẻ mầm non	3
08GDMN2006	Các vấn đề đương đại của Giáo dục mầm non: Chính	3

	sách và thực tiễn	
08GDMN2007	Lý luận dạy học hiện đại trong Giáo dục mầm non	3
Học kì 2 (Tổng cộng: 18 tín chỉ, bao gồm 12 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn)		
08GDMN2005	Phát triển chương trình Giáo dục mầm non (nâng cao)	3
08GDMN2008	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	3
08GDMN2019	Lãnh đạo và quản lý chất lượng trong cơ sở Giáo dục mầm non	3
08GDMN2020	Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non	3
08GDMN2009	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3
08GDMN2010	Các mô hình Giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới và ứng dụng vào Việt Nam	3
08GDMN2011	Giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non	3
08GDMN2012	Phát triển năng lực vận động cho trẻ mầm non	3
08GDMN2013	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3
Học kì 3 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 6 tín chỉ bắt buộc, 9 tín chỉ tự do)		
08GDMN2014	Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mầm non	3
08GDMN2015	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non	3
08GDMN2016	Giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non	3
08GDMN2017	Giáo dục văn hóa truyền thống cho trẻ mầm non	3
08GDMN2018	Quyền và phúc lợi xã hội cho trẻ em	3
08GDMN2021	Xã hội hóa trong Giáo dục mầm non	3
08GDMN2022	Kỷ luật tích cực trong Giáo dục mầm non	3
08GDMN2023	Ứng dụng STEAM trong Giáo dục mầm non	3
08GDMN2024	Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	3
08GDMN2014	Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mầm non	3
08GDMN2015	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non	3
Học kì 4 (Tổng cộng: 12 tín chỉ, bao gồm 12 tín chỉ bắt buộc)		
08GDMN4025	Thực tập	3
08GDMN5026	Đề án	9

- Định hướng nghiên cứu

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)
Mã ngành:	8140101
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Giáo dục Mầm non

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục mầm non theo định hướng nghiên cứu có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong chuyên nghiệp; có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu chuyên ngành; có năng lực vận dụng lí luận Giáo dục mầm non vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, giáo dục và đào tạo; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu để đạt học vị cao hơn.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phẩm chất

- Tự ý thức và tích cực rèn luyện những phẩm chất đạo đức, trao dồi năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động nghề nghiệp và sự phát triển của giáo dục và đào tạo lĩnh vực ngành giáo dục mầm non;

- Yêu nghề, yêu trẻ, có ý thức, trách nhiệm cao và tác phong chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tích cực, chủ động tiếp cận và cập nhập những thành tựu mới về giáo dục để nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn giáo dục và quản lí trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

b) Về năng lực

- Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo trong lĩnh vực giáo dục mầm non;

- Tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục mầm non;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng trong giáo dục mầm non vào giải quyết các vấn đề về xây dựng và phát triển chương trình, tổ chức thực hiện, quản lí các hoạt động giáo dục trẻ phù hợp với thực tiễn giáo dục mầm non và tham gia vào quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non;
- Thực hiện được các nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục học mầm non.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp
PI.1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI.1.2	Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI.2.1	Phản biện các vấn đề một cách khoa học
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI.2.2	Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo

Mã CDR	Mô tả
PLO 3	Tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn
PI.3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI.3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lí để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI.3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lí hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lí hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng kiến thức, kĩ năng chuyên ngành để giải quyết các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non	
PI 4.1	<i>Nghiên cứu, xây dựng và phát triển được chương trình giáo dục mầm non</i>
PI 4.1.1	Phân tích được cơ sở lí luận và thực tiễn trong xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mầm non
PI 4.1.2	Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu thực tiễn tại các cơ sở giáo dục mầm non
PI 4.2	<i>Đề xuất và giải quyết được các vấn đề trong hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non</i>
PI 4.2.1	Xác định được vấn đề trong thực tiễn giáo dục trẻ mầm non
PI 4.2.2	Đề xuất và thực hiện được các biện pháp phù hợp cho việc giải quyết các vấn đề trong tổ chức, thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ và quản lí trong giáo dục mầm non

Mã CĐR	Mô tả
<i>PI 4.3</i>	<i>Tổ chức được hoạt động kiểm tra, đánh giá trong giáo dục mầm non</i>
PI 4.3.1	Đánh giá được chất lượng các hoạt động giáo dục và chất lượng giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non
PI 4.3.2	Đề xuất được các biện pháp xây dựng, cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục và quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non
PLO 5. Thực hiện nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Giáo dục mầm non	
<i>PI 5.1</i>	<i>Xây dựng được kế hoạch nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục mầm non</i>
PI 5.1.1	Xác định được vấn đề nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Giáo dục mầm non
PI 5.1.2	Xây dựng được kế hoạch nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục mầm non
<i>PI5.2</i>	<i>Thực hiện được công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục mầm non</i>
PI5.2.1	Tổ chức và thực hiện được các nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục mầm non
PI5.2.2	Báo cáo được kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục mầm non theo các quy chuẩn khoa học
PI5.2.3	Công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục mầm non trên các tạp chí khoa học

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) có thể làm việc ở những vị trí sau:

- Thực hiện công tác chuyên môn và công tác quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở dịch vụ về giáo dục mầm non.
- Nghiên cứu viên tại tổ chức nghiên cứu về giáo dục và giáo dục mầm non.
- Chuyên viên tại các sở, phòng giáo dục và đào tạo tại các địa phương.
- Giảng viên hoặc tham gia hỗ trợ giảng dạy, thực hành, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên tại khoa Giáo dục mầm non ở các trường cao đẳng, đại học.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học nghiên cứu sinh ngành Giáo dục học tại các trường đại học trong và ngoài nước.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 61 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

Tham khảo 08 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng tại 08 trường đại học trong và ngoài nước:

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) – Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục mầm non – Trường Đại học Nữ Seoul, Hàn Quốc

Chương trình Thạc sĩ Giáo dục mầm non – Trường Đại học Nữ Ewha, Hàn Quốc

Master in Early Childhood Studies Curriculum - University of Roehampton London

Master of Education in Early Childhood Education - University of Pittsburgh School of Education

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo

khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ **Về năng lực ngoại ngữ:** Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ **Về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành

Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Các lí thuyết về sự phát triển của trẻ em

- Môn cơ sở: Giáo dục học mầm non .

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	5	8,06%	5	8,06%	0	0%
Kiến thức chuyên ngành	30	48,39%	21	33,87%	9	14,52%
Chuyên đề nghiên cứu	12	19,35%	12	19,35%	0	0%
Luận văn tốt nghiệp	15	24,2%	15	24,2%	0	0%
Tổng	62	100%	53		9	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08GDMN1001	Triết học	4			50	50
2	08GDMN1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1			50	50
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		30				
	Học phần bắt buộc		21				
3	08GDMN2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3			50	50

4	08GDMN2004	Các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lí của trẻ mầm non	3			50	50
5	08GDMN2005	Phát triển chương trình Giáo dục mầm non (nâng cao)	3			50	50
6	08GDMN2006	Các vấn đề đương đại của Giáo dục mầm non: Chính sách và thực tiễn	3			50	50
7	08GDMN2007	Lý luận dạy học hiện đại trong Giáo dục mầm non	3			50	50
8	08GDMN2008	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	3			50	50
9	08GDMN2009	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3			50	50
Học phần tự chọn (chọn 9 TC trong			09				
10	08GDMN2010	Các mô hình Giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới và ứng dụng vào Việt Nam	3			50	50
11	08GDMN2011	Giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non	3			50	50
12	08GDMN2012	Phát triển năng lực vận động cho trẻ mầm non	3			50	50
13	08GDMN2013	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3			50	50
14	08GDMN2014	Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mầm non	3			50	50
15	08GDMN2015	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non	3			50	50
16	08GDMN2016	Giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non	3			50	50
17	08GDMN2017	Giáo dục văn hóa truyền thống cho trẻ mầm non	3			50	50
18	08GDMN2018	Quyền và phúc lợi xã hội cho trẻ em	3			50	50
19	08GDMN2019	Phương pháp nghiên cứu định	3			50	50

		lượng trong Giáo dục mầm non					
20	08GDMN2020	Phương pháp nghiên cứu định tính trong Giáo dục mầm non	3			50	50
III	CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU		12				
21	08GDMN3021	Chuyên đề nghiên cứu 1	4			0	100
22	08GDMN3022	Chuyên đề nghiên cứu 2	4			0	100
23	08GDMN3023	Chuyên đề nghiên cứu 3	4			0	100
IV	08GDMN4024	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15			0	100
	Tổng số tín chỉ		62				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 17 TC, bao gồm 17 tín chỉ bắt buộc)		
08GDMN1001	Triết học	4
08GDMN1002	Đạo đức trong nghiên cứu khoa học	1
08GDMN2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	3
08GDMN2004	Các lí thuyết về sự học và phát triển tâm lí của trẻ mầm non	3
08GDMN2006	Các vấn đề đương đại của Giáo dục mầm non: Chính sách và thực tiễn	3
08GDMN2007	Lý luận dạy học hiện đại trong Giáo dục mầm non	3
Học kì 2 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 09 tín chỉ bắt buộc và 06 tín chỉ tự chọn)		
08GDMN2005	Phát triển chương trình Giáo dục mầm non (nâng cao)	3
08GDMN2008	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	3
08GDMN2009	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3
08GDMN2010	Các mô hình Giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới và ứng dụng vào Việt Nam	3
08GDMN2011	Giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ sức khỏe cho trẻ mầm non	3
08GDMN2016	Giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non	3
08GDMN2017	Giáo dục văn hóa truyền thống cho trẻ mầm non	3

08GDMN2018	Quyền và phúc lợi xã hội cho trẻ em	3
08GDMN2019	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong Giáo dục mầm non	3
08GDMN2020	Phương pháp nghiên cứu định tính trong Giáo dục mầm non	3
Học kì 3 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 12 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ tự chọn)		
08GDMN2012	Phát triển năng lực vận động cho trẻ mầm non	3
08GDMN2013	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3
08GDMN2014	Phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ mầm non	3
08GDMN2015	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non	3
08GDMN3021	Chuyên đề nghiên cứu 1	4
08GDMN3022	Chuyên đề nghiên cứu 2	4
08GDMN3023	Chuyên đề nghiên cứu 3	4
Học kì 4 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 15 tín chỉ bắt buộc)		
08GDMN4024	Luận văn tốt nghiệp	15

2. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Định hướng ứng dụng và nghiên cứu

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)

Mã số chuyên ngành: 8140101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4771/ĐHSPHN, ngày 14 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

A. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục mầm non có các mục tiêu sau:

– Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục mầm non chất lượng cao đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về *phẩm chất và năng lực* của người học;

– Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, đó là:

+ Có khả năng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non.

+ Có khả năng giảng dạy chuyên ngành Giáo dục mầm non ở trường cao đẳng và đại học.

+ Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục mầm non ở trình độ tiến sĩ.

2. Chuẩn đầu ra và yêu cầu cần đạt

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục mầm non đáp ứng các chuẩn đầu ra sau:

2.1. Chuẩn đầu ra 1 (CĐR 1): Trung thực, trách nhiệm và tận tâm

Đáp ứng 3 yêu cầu cần đạt sau:

2.1.1. Trung thực và khách quan trong khoa học, đặc biệt trong việc tiến hành các điều tra, khảo sát, thí nghiệm, thực nghiệm; thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu. Không có hành vi gian lận trong thi cử, không sao chép, “đạo văn” của người khác khi thực hiện nhiệm vụ học tập, đặc biệt thực hiện luận văn tốt nghiệp.

2.1.2. Có cố gắng thực hiện các nghĩa vụ học tập (đi học đầy đủ, đúng giờ; học bài, làm bài đầy đủ,...) và nghiên cứu khoa học.

2.1.3. Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện.

2.2. Chuẩn đầu ra 2 (CĐR 2): Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời

Đáp ứng 3 yêu cầu cần đạt sau:

2.2.1. Nhận thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu trong quá trình theo học trên cơ sở nhận biết được những yêu cầu cần đạt về ý thức và phương pháp học tập của người học được quy định trong chương trình đào tạo thạc sĩ. ✍

2.2.2. Thực hiện được việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức và phương pháp cần thiết để tự học, tự nghiên cứu phục vụ cho quá trình theo học chương trình đào tạo thạc sĩ.

2.2.3. Thực hiện được việc tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích.

2.3. Chuẩn đầu ra 3 (CDR 3): Năng lực lãnh đạo

Đáp ứng 3 yêu cầu cần đạt sau:

2.3.1. Nhận biết được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội một cách chính đáng và chuyên nghiệp.

2.3.2. Huy động được các nguồn lực của cá nhân hay tổ chức nhằm thực hiện công việc hay nhiệm vụ được giao trong quá trình theo học chương trình đào tạo thạc sĩ.

2.3.3. Xây dựng và lựa chọn được hình thức làm việc nhóm có quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ trong quá trình theo học chương trình đào tạo thạc sĩ.

2.4. Chuẩn đầu ra 4 (CDR 4): Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Đáp ứng 3 yêu cầu cần đạt sau:

2.4.1. Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng khoa học Giáo dục mầm non trên cơ sở biết suy nghĩ, phải suy nghĩ và được quyền suy nghĩ.

2.4.2. Vận dụng được các kiến thức khoa học về chăm sóc và giáo dục trẻ để lựa chọn, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề.

2.4.3. Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá cho vấn đề tương tự.

2.5. Chuẩn đầu ra 5 (CDR 5): Năng lực thực hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp

Đáp ứng 3 yêu cầu cần đạt sau:

2.5.1. Hiểu và vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Giáo dục mầm non trong thực hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp.

2.5.2. Phân tích được các tiêu chuẩn nghề nghiệp: Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức phù hợp, hiệu quả trong thực hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp.

2.5.3. Hướng dẫn được người khác thực hiện nhiệm vụ; truyền bá, phổ biến được tri thức khoa học trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

2.6. Chuẩn đầu ra 6 (CDR 6): Năng lực phát triển nghề nghiệp

Đáp ứng 3 yêu cầu cần đạt sau:

2.6.1. Lập và triển khai được mục tiêu của cá nhân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

2.6.2. Lựa chọn và sử dụng được các nguồn tài nguyên đa dạng (sách, báo, phương tiện thông tin), các phương pháp, kỹ thuật phù hợp trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

2.6.3. Tự đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp. ✍

2.7. Chuẩn đầu ra 7 (CĐR 7): Năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục mầm non

Đáp ứng 3 yêu cầu cần đạt sau:

2.7.1. *Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu:* Tạo dựng được một nền tảng khoa học lí luận Giáo dục mầm non vững chắc ở mức độ bậc học thạc sĩ.

Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng ứng dụng: Tạo dựng được một nền tảng khoa học thực tiễn Giáo dục mầm non vững chắc ở mức độ bậc học thạc sĩ.

2.7.2. *Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu:* Thực hiện được nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học.

Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng ứng dụng: Thực hiện được việc phát triển một số kết quả nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non thành những giải pháp giải quyết vấn đề cụ thể của thực tiễn dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học.

2.7.3. *Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu:* Trình bày được các kết quả nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non một cách độc lập.

Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng ứng dụng: Trình bày được kết quả giải thích được nguồn gốc của những giải pháp (phương pháp giáo dục, giải pháp công nghệ, quy trình quản lí, thiết kế các công cụ,...) được sử dụng nhiều trong thực tiễn bằng cách vận dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

2.8. Chuẩn đầu ra 8 (CĐR 8): Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát, tri thức khoa học Giáo dục mầm non vào thực tiễn

Đáp ứng 3 yêu cầu cần đạt sau:

2.8.1. *Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu:* Giải thích được các khái niệm cơ bản, cốt lõi của chuyên ngành Giáo dục mầm non.

Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng ứng dụng: Giải thích được nguồn gốc thực tiễn của các khái niệm cơ bản, cốt lõi của chuyên ngành Giáo dục mầm non.

2.8.2. *Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu:* Vận dụng được các tri thức khoa học Giáo dục mầm non để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng ứng dụng: Vận dụng được tiến trình sử dụng kiến thức của khoa học Giáo dục mầm non để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.8.3. *Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu:* Vận dụng được học vấn giáo dục tổng quát và học vấn chuyên ngành Giáo dục mầm non vào việc hình thành và phát triển năng lực cho trẻ mầm non.

Yêu cầu đối với chương trình theo định hướng ứng dụng: Vận dụng được học vấn chuyên ngành Giáo dục mầm non vào việc hình thành và phát triển năng lực cho trẻ mầm non và hỗ trợ đồng nghiệp. ✓

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

B1. Chuyên ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)

(Theo định hướng nghiên cứu)

- Mã số chuyên ngành: 8140101
- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 61 tín chỉ
- Khối học văn chung: 10 tín chỉ (Bắt buộc: 04 tín chỉ; Tự chọn: 06/12 tín chỉ)
- Khối học văn cơ sở ngành: 30 tín chỉ
- Khối học văn chuyên ngành: 09 tín chỉ (Bắt buộc: 06 tín chỉ; Tự chọn: 03/06 tín chỉ)
- Luận văn tốt nghiệp: 12 tín chỉ

TT	Tên học phần	Mã số	Số TC	Ghi chú
I	Khối học văn chung: 10 tín chỉ			
Bắt buộc 04 tín chỉ				
1	Triết học	HNUE 701	4	
Tự chọn 06/12 tín chỉ				
1	Ngoại ngữ	HNUE 702	3	
	Một số vấn đề về giáo dục học hiện đại	HNUE 703	3	
2	Dạy học hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông	HNUE 704	3	
	Một số vấn đề về đổi mới sáng tạo	HNUE 705	3	
II	Khối học văn cơ sở ngành: 30 tín chỉ			
1	Tâm lí học nhân cách trẻ em	PRES 801	4	
2	Sinh lí học thần kinh trẻ em	PRES 802	4	CĐNC
3	Các lí thuyết về giáo dục trẻ mầm non	PRES 803	4	CĐNC
4	Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em	PRES 804	4	
5	Nghiên cứu và đánh giá sự phát triển của trẻ em	PRES 805	4	CĐNC
6	Kĩ năng làm việc của nhà giáo dục trong các môi trường giáo dục mầm non	PRES 806	4	
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non	PRES 807	3	CĐNC
8	Phát triển vận động cho trẻ mầm non	PRES 808	3	
III	Khối học văn chuyên ngành: 09 tín chỉ			
Bắt buộc 06 tín chỉ				
9	Giáo dục ngôn ngữ đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ	PRES 901	3	GDMN

9

TT	Tên học phần	Mã số	Số TC	Ghi chú
10	Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non theo hướng trải nghiệm	PRES 902	3	GDMN
<i>Tự chọn 03/06 tín chỉ</i>				
11	Giáo dục nghệ thuật cho trẻ mầm non	PRES 903	3	
	Quản lý giáo dục mầm non	PRES 904	3	
IV	Luận văn tốt nghiệp		12	
Tổng số:			61	

B2. Chuyên ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)

(Theo định hướng ứng dụng)

- Mã số chuyên ngành: 8140101
- Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 61 tín chỉ
- Khối học văn chung: 10 tín chỉ (Bắt buộc: 04 tín chỉ; Tự chọn: 06/12 tín chỉ)
- Khối học văn ngành: 30 tín chỉ
- Khối học văn chuyên ngành: 12 tín chỉ (Bắt buộc: 06 tín chỉ; Tự chọn: 06/12 tín chỉ)
- Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ

TT	Tên học phần	Mã số	Số TC	Ghi chú
I	Khối học văn chung: 10 tín chỉ			
<i>Bắt buộc 04 tín chỉ</i>				
1	Triết học	HNUE 701	4	
<i>Tự chọn 06/12 tín chỉ</i>				
1	Ngoại ngữ	HNUE 702	3	
	Một số vấn đề về giáo dục học hiện đại	HNUE 703	3	
2	Dạy học hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông	HNUE 704	3	
	Một số vấn đề về đổi mới sáng tạo	HNUE 705	3	
II	Khối học văn ngành: 30 tín chỉ			
1	Tâm lý học nhân cách trẻ em	PRES 801	4	
2	Sinh lý học thần kinh trẻ em	PRES 802	4	CĐNC
3	Các lý thuyết về giáo dục trẻ mầm non	PRES 803	4	CĐNC

24

TT	Tên học phần	Mã số	Số TC	Ghi chú
4	Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em	PRES 804	4	
5	Nghiên cứu và đánh giá sự phát triển của trẻ em	PRES 805	4	CĐNC
6	Kĩ năng làm việc của nhà giáo dục trong các môi trường giáo dục mầm non	PRES 806	4	
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	PRES 807	3	CĐNC
8	Phát triển vận động cho trẻ mầm non	PRES 808	3	
III	Khối học văn chuyên ngành: 12 tín chỉ			
Bắt buộc 06 tín chỉ				
9	Giáo dục ngôn ngữ đáp ứng nhu cầu đa dạng của trẻ	PRES 901	3	GDMN
10	Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non theo hướng trải nghiệm	PRES 902	3	GDMN
Tự chọn 06/12 tín chỉ				
11	Thực hành tổng hợp giáo dục ở trường mầm non	PRES 905	6	
	Thực hành tổng hợp nghề nghiệp phát triển chuyên gia giáo dục mầm non	PRES 906	6	
IV	Đề án tốt nghiệp		9	
Tổng số:			61	

*Học viên phải hoàn thành một trong hai học phần nếu có nguyện vọng học lên trình độ tiến sĩ:

STT	Tên học phần	Mã số	Số TC
1	Giáo dục nghệ thuật cho trẻ mầm non	PRES 903	3
2	Quản lí giáo dục mầm non	PRES 904	3

3. Trường Đại học Thái Nguyên

- Định hướng nghiên cứu

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Giới thiệu về Ngành đào tạo, mã ngành đào tạo, tên chương trình đào tạo, trình độ đào tạo

- Ngành đăng ký đào tạo: Giáo dục học
- Mã ngành đào tạo: 8140101
- Chương trình đào tạo: Giáo dục mầm non
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

+ Kiến thức: Làm chủ kiến thức chuyên ngành, đảm nhiệm được công việc của chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ giáo dục học và giáo dục mầm non; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường giáo dục và giáo dục mầm non.

+ Kỹ năng: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp trong môi trường thay đổi; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công tác giáo dục trẻ; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực giao tiếp hiệu quả, làm việc độc lập và hợp tác, tự học và tự nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp liên tục; Có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ, tuân thủ đạo đức trong hoạt động chuyên môn giáo dục mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể

+ Phẩm chất đạo đức:

M1. Có trách nhiệm với nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức lành mạnh, trong sáng, lập trường tư tưởng vững vàng; thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

+ Kiến thức:

- *Kiến thức chung*:

M2. Vận dụng sáng tạo kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị, khoa học giáo dục, văn hóa trong học tập và phát triển chuyên môn.

- *Kiến thức cơ sở và ngành*:

M3. Áp dụng linh hoạt kiến thức chuyên sâu về giáo dục học (giáo dục mầm non) trong thực tiễn công việc.

+ Kỹ năng:

M4. Phát triển các năng lực chuyên môn về giáo dục mầm non.

M5. Có kỹ năng tin học và ngoại ngữ thành thạo trong công tác chuyên môn.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

M6. Phát hiện và giải quyết vấn đề chuyên môn và đề xuất những sáng kiến cải tiến công tác giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của giáo dục mầm non.

M7. Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có năng lực nhận định, đánh giá và ra quyết định, dẫn dắt đồng nghiệp xử lý những vấn đề lớn về giáo dục mầm non trước yêu cầu thực tiễn; Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những quyết định trong chuyên môn.

2.3. Chuẩn đầu ra

2.3.1. Kiến thức

+ Kiến thức chung:

C1. Vận dụng được hệ thống tri thức khoa học xã hội và khoa học chính trị trong xây dựng, triển khai và đánh giá công tác chuyên môn ở cơ sở giáo dục mầm non.

+ Kiến thức ngành, chuyên ngành:

- Kiến thức ngành:

C2. Áp dụng được các kiến thức cơ bản, nền tảng về tâm lý học, giáo dục học mầm non trong xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.

- Kiến thức chuyên ngành:

C3. Vận dụng được kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tế sâu rộng, vững chắc về giáo dục học mầm non trong tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn theo từng lĩnh vực giáo dục phát triển trẻ; bước đầu vận dụng hiệu quả kiến thức trong công tác quản lý nhóm/lớp, quản lý cơ sở giáo dục mầm non.

- Yêu cầu đối với luận văn: Luận văn phải là một công trình nghiên cứu độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố; giải quyết vấn đề cụ thể theo vị trí việc làm hiện tại và tương lai của học viên.

2.3.2. Kỹ năng

+ Kỹ năng cứng:

C4. Xây dựng và phát triển được kế hoạch giáo dục trường mầm non, thực hiện được các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trẻ, phát triển được cộng đồng giáo dục nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, khoa học quản lý giáo dục mầm non.

C5. Đạt trình độ ngoại ngữ B1 (tiếng Anh) theo Khung tham chiếu Châu Âu.

C6. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.

+ Kỹ năng mềm:

C7. Phát triển năng lực thu hút, tập hợp các thành viên/tổ/nhóm chuyên môn; phát triển các mối quan hệ hợp tác trong giải quyết nhiệm vụ chuyên môn.

C8. Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, ứng xử sự phạm chuẩn mực trong quá trình giáo dục và quản lý giáo dục mầm non.

2.3.3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm:

C9. Phát hiện và giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ dựa trên đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng sự phát triển của trẻ; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong hoạt động chuyên môn giáo dục mầm non.

C10. Đề xuất và chịu trách nhiệm về những kết luận mang tính chuyên gia, những sáng kiến quan trọng nhằm giải quyết và nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

2.4. Khung chương trình đào tạo

Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ		Mã số HP tiên quyết
Phần chữ	Phần số			Lý thuyết	TH, TN, TL	
1. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (2 học phần)			9			
PHI	514	Triết học (Philosophy)	4			
ENG	515	Tiếng Anh (English)	5			
2. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			38			
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành			22			
2.1.1. Học phần cơ sở bắt buộc (6 học phần)			15			
MES	523	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	3	1.5	1.5	
EAQ	523	Chính sách, chiến lược phát triển giáo	3	1.5	1.5	

		đục				
TCP	522	Các lý thuyết về sự phát triển tâm lý trẻ em	2	1	1	
OAE	523	Tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non	3	1.5	1.5	
ANS	522	Quản trị cơ sở giáo dục mầm non	2	1	1	
2.1.2. Học phần cơ sở tự chọn (2/5 học phần)			7			
DEE	522	Phát triển môi trường giáo dục	2			
EPM	523	Giáo dục trẻ mầm non theo tiếp cận hiện đại	3	1.5	1.5	
PCM	522	Giao tiếp sư phạm mầm non trong môi trường đa văn hóa	2	1	1	
PEC	522	Tư vấn giáo dục mầm non	2	1	1	
CBN	522	Xây dựng văn hóa và thương hiệu trường mầm non	2	1	1	
2.2. Khối kiến thức chuyên ngành			16			
2.2.1. Học phần chuyên ngành bắt buộc (4 học phần)			10			
MDC	533	Quản lý, phát triển chương trình giáo dục	3	1.5	1.5	
EMN	532	Giáo dục trẻ theo mô hình lớp ghép ở trường mầm non	2	1	1	
EDN	532	Giáo dục kĩ thuật tích cực ở trường mầm non	2	1	1	
EES	533	Giáo dục tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non	3	1.5	1.5	
2.1.2. Học phần chuyên ngành tự chọn (3/7 học phần)			6			
OLE	532	Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống	2	1	1	
DTM	532	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non qua hoạt động làm quen với toán	2	1	1	
DCA	532	Phát triển khả năng sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật	2	1	1	
ELE	532	Giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	2	1	1	
PDP	532	Phát triển thể chất cho trẻ mầm non	2	1	1	

SEN	532	Giáo dục trẻ mầm non theo định hướng STEAM	2	1	1	
CDP	532	Phát triển nghề nghiệp cho giáo viên mầm non	2	1	1	
3. LUẬN VĂN THẠC SĨ (Thesis)			13			
Tổng cộng			60			

Ghi chú:

* (TH, TL) là viết tắt của tổng số giờ tín chỉ (Thực hành/Thảo luận).

* Học viên có thể lựa chọn các học phần tự chọn cho phù hợp với hướng nghiên cứu của luận văn.

Các hướng nghiên cứu luận văn

- Dự báo giáo dục mầm non, chiến lược phát triển giáo dục mầm non
- Quản trị cơ sở giáo dục mầm non
- Xây dựng văn hóa và thương hiệu cơ sở giáo dục mầm non
- Phát triển chương trình giáo dục mầm non
- Tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non
- Phát triển môi trường giáo dục mầm non
- Bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non
- Bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, tham vấn giáo dục mầm non
- Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non
- Tư vấn giáo dục mầm non
- Kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục mầm non
- Phối hợp các lực lượng trong giáo dục mầm non.

2.5. Hình thức, chính sách ưu tiên, đối tượng tuyển sinh; thời gian và hình thức đào tạo

2.5.1. Hình thức tuyển sinh

- Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) được tổ chức 2 đợt/năm.

- Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển.

- Các môn thi:

+ Môn chuyên ngành: Giáo dục học

+ Môn cơ sở ngành: Triết học

+ Môn ngoại ngữ: Theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy định của Đại học Thái Nguyên.

2.5.2. Chính sách ưu tiên

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

2.5.3. Đối tượng tuyển sinh

a) Về văn bằng đại học

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) ngành đúng/ngành phù hợp được phép đăng ký dự tuyển vào ngành đào tạo.

Nếu người dự tuyển có bằng TNDH ngành gần thì phải học bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.

Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận bởi Cục Quản lý chất lượng (trước đây là Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) - Bộ GD&ĐT.

b) Người dự tuyển có đủ sức khỏe để học tập.

c) Người dự tuyển nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Nhà trường.

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác

+ Ngành đúng: Giáo dục mầm non

+ Ngành phù hợp: Tâm lý giáo dục; Giáo dục học; Giáo dục đặc biệt.

+ Ngành gần: Giáo dục học tiểu học; Tâm lý học; Quản lý giáo dục; Giáo dục công dân.

2.5.4. Thời gian và hình thức đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình được quy định là 02 năm học tập trung với 04 học kỳ; Hình thức tổ chức chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ.

2.6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

Sau tốt nghiệp, học viên có năng lực làm việc ở các vị trí sau:

- Làm công tác chuyên môn và công tác quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở dịch vụ về giáo dục mầm non.

- Làm công tác nghiên cứu tại tổ chức nghiên cứu về giáo dục học và giáo dục mầm non.

- Chuyên viên tại các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo.

2.7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sau tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ thuộc đúng chuyên ngành hoặc có thể chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác.